TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HS-ST
Ngày: 30-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Út.

2. Ông Tiêu Tường Phục.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Ni – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2018/TLST-HS, ngày 12 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2018/QĐXXST-HS, ngày 19 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Thị Diệu C, sinh năm: 1989, tại Sóc Trăng. Nơi ĐKHKTT: ấp Đ, thị trấn T, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở: Tổ X, khu phố Y, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Mai Thị Thu H; có chồng tên Bùi Công H, có 01 con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giam từ ngày ngày 29/8/2018. (có mặt)

Người bào chữa: Ông Huỳnh Tài Đ, Luật sư Văn phòng luật sư Phạm Văn C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang bào chữa cho Trần Thị Diệu C. (có mặt)

Bị hại: Chị Lê Thị Ngọc M, sinh năm: 1984.

- Địa chỉ: Khu phố X, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Mai Thị Thu H, sinh năm 1971.

- Địa chỉ: Khu phố Y, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

Người làm chứng:

1/ Ông Nguyễn Văn R. (có mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị M. (có mặt)

3/ Bà Nguyễn Thị H. (có mặt)

4/ Ông Ngô Văn K. (vắng mặt)

5/ Ông Nguyễn Văn H. (vắng mặt)

6/ Ông Nguyễn Thành L. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo nội dung bản Cáo trạng số: 34/CT-VKS-TXHT ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang đã truy tố Trần Thị Diệu C về hành vi cố ý gây thương tích như sau:

Vào khoảng 07 giờ, ngày 26/3/2018, Trần Thị Diệu C cùng với mẹ ruột là bà Mai Thị Thu H đang ở tại nhà trọ của bà Nguyễn Thị H, thuộc Khu phố X, phường Đ, thị xã H (nay là thành phố H), bà H đến đòi tiền cho thuê trọ thì xảy cự cãi với nhau, sau đó bà H bỏ về. Khoảng một lúc sau, bà H cùng với Nguyễn Thị M, Lê Thị Ngọc M và Nguyễn Văn R quay trở lại và tiếp tục cự cãi với bà H và Diệu C. Lê Thị Ngọc M dùng đoạn cây tre dạng tròn dài 1,27 mét, đường kính 04 cm do ông R mang theo, đánh trúng vào người của Diệu C nhiều cái, nên Diệu C đi vào trong nhà lấy cây dao bằng kim loại màu trắng đã chuẩn bị sẵn từ trước, cầm ở tay phải chém liên tiếp trúng vào người của Ngọc M gây thương tích, sau đó được mọi người can ngăn. Lê Thị Ngọc M được người nhà đưa đến bệnh viện đa khoa thị xã H điều trị với các vết thương như sau: 01 vết thương đứt gần lìa ngón I bàn tay phải; 01 vết thương ngón V bàn tay phải; 01 vết thương cổ tay trái và được chuyển đến Bệnh

viện đa khoa tỉnh Kiên Giang điều trị, đến ngày 30/3/2018 thì ra viện và làm đơn yêu cầu khởi tố đối với Trần Thị Diệu C về hành vi cố ý gây thương tích.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 231/KL-PY ngày 02/5/2018 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Kiên Giang kết luận thương tích đối với Lê Thị Ngọc M như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo phần mềm cổ tay trái (02 vết) và ngón V bàn tay phải.

- Sẹo mỏm cụt tháo khớp bàn ngón I tay phải (mất trọn ngón I) xơ cứng.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích gây nên hiện lại là **28%** (Hai mươi tám phần trăm).

3. Vật gây thương tích: Vật sắc.

4. Về thẩm mỹ và chức năng bộ phận cơ thể: Thương tích ngón I tay phải gây ảnh hưởng thẩm mỹ mức độ ít và mất ngón I tay phải gây hạn chế chức năng vận động bàn tay phải mức độ vừa.

Vật chứng trong vụ án gồm có:

1. 01 (một) cây dao dài 28cm; lưỡi dao bằng kim loại màu trắng kích thước (16,5 x 8,3) cm, trên lưỡi có bám dính chất dịch màu nâu (nghi là máu), cán dao bằng kim loại màu trắng kích thước (11,5 x 3) cm (đã qua sử dụng);

2. 01 (một) cây dao dài 21 cm; lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, kích thước (11 x 2) cm, trên lưỡi dao có ký hiệu KIWI – BRAND STAINLESSSTELL, cán dao bằng nhựa màu vàng, kích thước (10 x 2) cm (đã qua sử dụng);

3. 01 khúc cây tre dạng tròn dài 1,27 m, đường kính 04 cm (đã qua sử dụng).

Các vật chứng nêu trên hiện được bảo quản tại kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình Trần Thị Diệu C và Lê Thị Ngọc M đã thỏa thuận và bồi thường xong số tiền 30.000.000 đồng. Nay bị hại không yêu cầu bồi thường thêm và làm đơn bãi nại cho Diệu C.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Thị Diệu C phạm tội "Cố ý gây thương tích".

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cây dao dài 28cm; lưỡi dao bằng kim loại màu trắng kích thước (16,5 x 8,3) cm, trên lưỡi có bám dính chất dịch màu nâu (nghi là máu), cán dao bằng kim loại màu trắng kích thước (11,5 x 3) cm (đã qua sử dụng); 01 (một) cây dao dài 21 cm; lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, kích thước (11 x 2) cm, trên lưỡi dao có ký hiệu KIWI – BRAND STAINLESSSTELL, cán dao bằng nhựa màu vàng, kích thước (10 x 2) cm (đã qua sử dụng); 01 khúc cây tre dạng tròn dài 1,27 m, đường kính 04 cm (đã qua sử dụng).

- Về bồi thường thiệt hại: Ghi nhận bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

- Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Bị cáo không thống nhất với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo cho rằng bản thân chỉ phòng vệ, chống trả lại một cách cần thiết trong khi nhóm người phía bị hại kéo đến nhà bị cáo quá đông và chửi bới, hành hung bị cáo và mẹ bị cáo trước. Chị Lê Thị Ngọc M, bà Mai Thị Thu H không có ý kiến tranh luận gì.

Tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo có ý kiến tranh luận như sau: Không đồng tình với toàn bộ quan điểm luận tội của Kiểm sát viên. Bởi lẽ bị cáo không có ý định gây thương tích cho bị hại. Do có mâu thuẫn từ trước, phía người thân bị hại kéo đến nhà bị cáo đông người, bị hại cầm khúc tre đánh bị cáo trước. Trong lúc bi đánh, vì để bảo vệ mẹ bị cáo và bị cáo nên bị cáo mới cầm dao chém

bị hại, sau đó ông R cầm khúc tre đánh trúng vào đầu bị cáo. Điều này thể hiện khi nhập viện, bị cáo được bệnh viện kết luận đa chấn thương phần mềm, sưng nề nhiều chỗ trên cơ thể. Ngoài ra, bị hại có một phần lỗi và có hành vi trái pháp luật, chủ động tấn công bị cáo. Nếu xét về tương quan lực lượng thì phía bị cáo chỉ có 02 người nhưng phía bị hại có đến 04 người. Khi bị hại cầm khúc tre đánh bị cáo thì bị cáo đã dùng tay chống trả nhưng bị hại vẫn tiếp tục tấn công, thể hiện tính quyết liệt, đe dọa sức khỏe, tính mạng của bị cáo, trong khi có nhiều người đứng xem mà không can ngăn nên bị cáo phải dùng dao để phòng vệ, vì ngoài cây dao ra thì trong nhà không còn đồ dùng nào khác để dùng chống trả. Cho nên, hành vi của bị cáo được xem là phòng vệ chính đáng theo quy định tại Điều 22 của Bộ luật Hình sự. Hơn nữa, trường hợp của bị cáo cũng không thỏa mãn quy định tại Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Hình sự về tội Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh và tội Cố ý gây thương thích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Đối với thủ tục tố tụng của Cơ quan điều tra có vi phạm như: Không cho bị cáo đi giám định thương tích theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; lời khai của bị cáo có mâu thuẫn so với lời khai của bị hại và những người khác nhưng chưa được cho đối chất làm rõ; không thực nghiệm hiện trường để làm rõ diễn biến sự việc đánh nhau. Việc Tòa án cho những người thân thích, dòng họ của bị hại làm người làm chứng là chưa phù hợp và không khách quan. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo không phạm tội, trả tự do ngay cho bị cáo, hoặc trả hồ sơ điều tra bổ sung.

Kiểm sát viên đối đáp như sau: Không thống nhất với lời bào chữa của Luật sư cho rằng bị cáo không phạm tội. Vấn đề bị hại có một phần lỗi đã được Kiểm sát viên xem xét và trình bày ở lời luận tội, có đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét về tương quan lực lượng, việc đánh nhau chỉ giữa bị cáo và bị hại, người thân hai bên không tham gia nên tương quan ngang bằng. Bị hại là người đánh bị cáo trước, khi bị cáo đi vào trong nhà thì bị hại và những người khác không ai đuổi theo bị cáo, cho thấy hành vi xâm hại của bị hại đã chấm dứt, nhưng bị cáo vẫn cầm dao ra chém bị hại gây thương tích. Trong

quá trình điều tra, bị cáo không có yêu cầu được giám định thương tích nên Cơ quan điều tra không đưa bị cáo đi giám định là đúng quy định. Thủ tục tố tụng của Cơ quan điều tra đã đảm bảo đầy đủ. Việc lời trình bày của bị cáo, bị hại và những người khác chỉ mâu thuẫn ở vấn đề ai đánh ai trước và đã được xét hỏi đầy đủ tại phiên tòa, ngoài ra cũng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Bị cáo khai cây dao dùng chém bị hại là loại dao dùng chặt nước đá, không bén nhưng thương tích của bị hại bị đứt gần lìa ngón I bàn tay phải, cho thấy bị cáo đã dùng một lực chém rất mạnh, thể hiện rõ hành vi cố ý gây thương tích. Trong lúc xô xát, bị cáo ở trong nhà, còn bị hại và những người khác đứng bên ngoài. Nếu bị cáo không đi ra ngoài thì sẽ không xảy ra vụ án. Vì vậy, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm luận tội.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo chỉ chống trả một cách cần thiết, không cố ý gây thương tích, yêu cầu được trả tự do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo đã hoàn toàn thừa nhận có hành vi cầm dao gây thương tích cho bị hại như Cáo trạng đã nêu. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và chứng minh tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 07 giờ ngày 26/3/2018, tại Khu phố X, phường Đ, thành phố H, xuất phát từ mâu thuẫn trong việc thuê nhà trọ giữa bà Nguyễn Thị H và bà Mai Thị Thu H, trong lúc cự cãi và thách thức qua lại, Lê Thị Ngọc M cầm đoạn cây tre, đánh trúng vào người của Trần Thị Diệu C nhiều cái, Diệu C sử dụng cây dao bằng kim loại, là hung khí nguy hiểm, chém trúng vào phần mềm cổ tay trái, ngón V bàn tay phải và ngón I bàn tay phải của Ngọc M gây thương tích. Qua kết luận giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích gây nên hiện lại của Lê Thị Ngọc M là 28% (Hai tám phần trăm). Hành vi của Trần Thị Diệu C đã phạm vào tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự, cụ thể:

Điều 134. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

...

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này".

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo Trần Thị Diệu C về tội danh và điều khoản nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo nêu quan điểm cho rằng bị cáo thuộc trường hợp phòng vệ chính đáng. Căn cứ quy định tại Điều 22 của Bộ luật Hình sự về loại trừ trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp phòng vệ chính đáng, lời bào chữa của Luật sư là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, trước khi dùng dao chém bị hại, giữa bị cáo và bị hại có lời lẽ thách thức đánh nhau và có xô xát với nhau. Ngay sau đó, bị cáo lấy dao chém bị hại là sự chống trả lại một cách không cần thiết và không phù hợp với tính chất, mức độ so với hành vi của bị hại chỉ cầm đoạn tre đánh bị cáo. Trong các vết thương của bị hại do bị cáo gây ra, có vết thương đứt gần lìa ngón I bàn tay phải và hậu quả là bị hại bị phẫu thuật tháo bỏ khớp ngón tay, điều này cho thấy bị cáo dùng lực chém rất mạnh, thể hiện rõ hành vi cố ý gây thương tích cho bị hại. Đối với ý kiến của Luật sư cho rằng Cơ quan cảnh sát điều tra có vi phạm thủ tục tố tụng như không cho đối chất, thực nghiệm hiện trường, không đưa

bị cáo đi giám định; Tòa án cho những người thân thích của bị hại ra làm chứng là không phù hợp. Những ý kiến trên như quan điểm tranh luận của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận các ý kiến của Luật sư, do những thủ tục nêu trên là không cần thiết và không làm ảnh hưởng việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử không chỉ căn cứ vào lời khai của những người làm chứng mà còn căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa để kết luận vụ án. Vì vậy, việc Viện kiểm sát truy tố bị cáo nêu trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo khẳng định ông Nguyễn Văn R có dùng đoạn tre đánh trúng vào đầu của bị cáo, nhưng ông R không thừa nhận, bị cáo cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Theo Kết luận giám định pháp y về thương tích số 586/KL-PY ngày 15/11/2018 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Kiên Giang kết luận Trần Thị Diệu C có tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 00%. Hơn nữa, việc ông R có hành vi cầm đoạn tre đánh bị cáo hay không cũng không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận lời khai nại của bị cáo.

[2] Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ, bị cáo nên dùng lời lẽ nói chuyện, thỏa thuận một cách ôn hòa, giữ được tình nghĩa đôi bên, nhưng bị cáo lại hành xử bạo lực, dùng dao chém chị Ngọc M gây thương tích. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách có chủ tâm và ý thức, bị cáo rất xem thường sức khỏe của người khác và xem thường pháp luật. Hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang, lo sợ cho quần chúng nhân dân. Bị cáo dùng dao là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho người khác với tỷ lệ thương tật đến 28%, khung hình phạt từ 02 năm đến 06 năm tù, thuộc trường hợp nghiêm trọng.

[3] Xét về nhân thân: Tài liệu về lý lịch thể hiện bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, bị hại cũng có một phần lỗi, có đơn xin bãi nại, nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về áp dụng hình phạt: Xét thấy cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo sao cho vừa đảm bảo tính giáo dục, vừa răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có ít nhất 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên Kiểm sát viên đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 12 tháng đến 18 tháng tù là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận và phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo. Cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội trong một thời gian đủ để cải tạo bị cáo thành công dân tốt, biết tôn trọng pháp luật, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Cần tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cây dao dài 28cm; lưỡi dao bằng kim loại màu trắng kích thước (16,5 x 8,3) cm, trên lưỡi có bám dính chất dịch màu nâu (nghi là máu), cán dao bằng kim loại màu trắng kích thước (11,5 x 3) cm (đã qua sử dụng); 01 (một) cây dao dài 21 cm; lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, kích thước (11 x 2) cm, trên lưỡi dao có ký hiệu KIWI – BRAND STAINLESSSTELL, cán dao bằng nhựa màu vàng, kích thước (10 x 2) cm (đã qua sử dụng); 01 khúc cây tre dạng tròn dài 1,27 m, đường kính 04 cm (đã qua sử dụng).

[7] Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo đã bồi thường xong số tiền 30.000.000 đồng theo yêu cầu của bị hại. Nay bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về chi phí giám định thương tích: Chi phí giám định tổn hại sức khỏe của Trần Thị Diệu C là 535.000 đồng theo hóa đơn số 0089461 ngày 19/11/2018 và số

tiền bồi dưỡng giám định là 1.360.000 đồng theo giấy đề nghị thanh toán ngày 19/11/2018 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Kiên Giang; chi phí chụp Xquang là 120.000 đồng theo hóa đơn số 1800225230 ngày 06/11/2018 của Bệnh viện Bình An. Tổng cộng là 2.015.000đ (Hai triệu không trăm mười lăm nghìn đồng) do bị cáo phải chịu. Bị cáo đã nộp tạm ứng số tiền trên nên không phải nộp thêm.

[9] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 47, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị Diệu C phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt bị cáo Trần Thị Diệu C 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/8/2018.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cây dao dài 28cm; lưỡi dao bằng kim loại màu trắng kích thước (16,5 x 8,3) cm, trên lưỡi có bám dính chất dịch màu nâu (nghi là

máu), cán dao bằng kim loại màu trắng kích thước (11,5 x 3) cm (đã qua sử dụng); 01 (một) cây dao dài 21 cm; lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, kích thước (11 x 2) cm, trên lưỡi dao có ký hiệu KIWI – BRAND STAINLESSSTELL, cán dao bằng nhựa màu vàng, kích thước (10 x 2) cm (đã qua sử dụng); 01 khúc cây tre dạng tròn dài 1,27 m, đường kính 04 cm (đã qua sử dụng).

Tất cả các vật chứng nêu trên đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 23/QĐ-VKSHT ngày 11/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H (nay là thành phố H) và Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 15/10/2018.

3. Về bồi thường thiệt hại: Ghi nhận việc bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

4. Về chi phí giám định thương tích: Chi phí giám định tổn hại sức khỏe của Trần Thị Diệu C là 535.000 đồng theo hóa đơn số 0089461 ngày 19/11/2018 và số tiền bồi dưỡng giám định là 1.360.000 đồng theo giấy đề nghị thanh toán ngày 19/11/2018 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Kiên Giang; chi phí chụp Xquang là 120.000 đồng theo hóa đơn số 1800225230 ngày 06/11/2018 của Bệnh viện Bình An. Tổng cộng là 2.015.000đ (Hai triệu không trăm mười lăm nghìn đồng) do bị cáo chịu. Bị cáo đã nộp tạm ứng số tiền trên nên không phải nộp thêm.

5. Về án phí:

Buộc bị cáo nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. H;
- Chi cục THADDS Tp. H;
- Công an Tp. H;
- UBND P. Đ, HT-KG;
- Bị cáo; Những người TGTT;
- Lưu: HSVA.

Tạ Chí Dũng